

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2025 – 2026
Công khai chất lượng giáo dục và đào tạo năm học 2025 – 2026, các điều kiện
đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính
(Theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhà trường

Tên trường: Trường Trung học cơ sở Hoàng Nam.

(Trường THCS Hoàng Nam cũ và trường THCS Nghĩa Minh chính thức được sáp nhập thành trường THCS Hoàng Nam, xã Đồng Thịnh từ tháng 2/2026)

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của nhà trường

- Địa chỉ trụ sở chính: Xóm Bình Thịnh, xã Đồng Thịnh, tỉnh Ninh Bình.

- Địa chỉ Điểm Nghĩa Minh: Xóm Đắc Phú, xã Đồng Thịnh, tỉnh Ninh Bình

- Điện thoại: 02283871620

- Thư điện tử: theshoangnam.xadongthinh@gmail.com

- Trang thông tin điện tử: <https://theshoangnam.ninhbinh.edu.vn/>

3. Loại hình của nhà trường, cơ quan quản lý trực tiếp

Trường trung học cơ sở Hoàng Nam là loại hình trường công lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập và trực tiếp quản lý.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân xã Đồng Thịnh.

Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí cho chi thường xuyên của trường chủ yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

4.1. Sứ mệnh

Tạo dựng một môi trường học tập thân thiện, an toàn, có kỷ cương, tình thương trách nhiệm, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, phát huy tính sáng tạo, có kỹ năng sống, biết thích ứng, phát triển tối đa phẩm chất và năng lực cá nhân, trở thành những công dân có ích, góp phần xây dựng quê hương, đất nước giàu đẹp, phồn thịnh.

4.2. Tầm nhìn

Năm học 2025 - 2026, Điểm trường Nghĩa Minh duy trì đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Cấp độ 3, trường chuẩn quốc gia Mức độ 2. Tiếp tục củng cố và duy trì vị thế của nhà trường là một trong những đơn vị có phong trào và chất lượng giáo dục

cao của xã, là địa chỉ tin cậy để các bậc cha mẹ học sinh tin tưởng gửi gắm con em mình học tập, rèn luyện, góp phần xây dựng quê hương đất nước.

Đến năm học 2026 - 2027, điểm trường chính phấn đấu đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Cấp độ 3, trường chuẩn quốc gia Mức độ 2.

4.3. Mục tiêu

Xây dựng và phát triển nhà trường đáp ứng yêu cầu giáo dục của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng đạt chuẩn chất lượng giáo dục THCS; củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục. Để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập và phát triển toàn diện, có khả năng tiếp tục học lên THPT hoặc đi vào cuộc sống lao động. Để đáp ứng được các yêu cầu đó, nhà trường phải tập trung thực hiện các mục tiêu chiến lược sau:

Đổi mới công tác quản lý và quản trị nhà trường.

Xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của từng học sinh.

Chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng học sinh giỏi; khuyến khích học sinh nghiên cứu khoa học, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn; chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh.

Xây dựng văn hóa nhà trường.

Huy động các nguồn lực phát triển nhà trường.

5. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ tên: Vũ Hữu Biên

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Xóm Bình Thịnh, xã Đồng Thịnh, tỉnh Ninh Bình.

Điện thoại: 0942968832

Thư điện tử: huubien77@gmail.com

6. Tổ chức bộ máy

6.1 Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của nhà trường

Trường Trung học cơ sở Hoàng Nam được thành lập theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 của Ủy ban nhân dân xã Đồng Thịnh về việc sáp nhập trường THCS Nghĩa Minh và trường THCS Hoàng Nam thành trường THCS Hoàng Nam xã Đồng Thịnh.

6.2. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường;

Hiệu trưởng Vũ Hữu Biên: Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 của UBND xã Đồng Thịnh về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý. Ông

Vũ Hữu Biên Hiệu trưởng trường THCS Nghĩa Minh (trước sáp nhập) giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS Hoàng Nam sau sáp nhập từ ngày 01/02/2026. Thời gian bổ nhiệm: 5 năm, kể từ ngày 01/11/2022 (Theo Quyết định số 5136/QĐ-UBND ngày 29/10/2022 của UBND huyện Nghĩa Hưng).

Phó Hiệu trưởng Phạm Minh Chiến: Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 của UBND xã Đồng Thịnh về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý. Ông Phạm Minh Chiến Phó Hiệu trưởng trường THCS Hoàng Nam (trước sáp nhập) giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THCS Hoàng Nam sau sáp nhập từ ngày 01/02/2026. Thời gian bổ nhiệm: 5 năm, kể từ ngày 01/09/2022 (Theo Quyết định số 4251/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND huyện Nghĩa Hưng).

Phó Hiệu trưởng Bùi Thị Uyên: Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 của UBND xã Đồng Thịnh về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý. Bà Bùi Thị Uyên Phó Hiệu trưởng trường THCS Nghĩa Minh (trước sáp nhập) giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THCS Hoàng Nam sau sáp nhập từ ngày 01/02/2026. Thời gian bổ nhiệm: 5 năm, kể từ ngày 01/01/2022 (Theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND huyện Nghĩa Hưng).

6.3. Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường; sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường;

a. Cơ cấu tổ chức nhà trường:

Hội đồng trường gồm 07 thành viên. Chủ tịch HĐ: Vũ Hữu Biên.

Hiệu trưởng: Vũ Hữu Biên.

Có 02 phó Hiệu trưởng: Phạm Minh Chiến, Bùi Thị Uyên

Hội đồng thi đua khen thưởng;

Hội đồng tư vấn tâm lý;

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam: Chi bộ gồm 35 đảng viên trực thuộc Đảng bộ xã Đồng Thịnh.

Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: Gồm 9 đoàn viên. Bí thư chi Đoàn: Nguyễn Thị Phiên.

Tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh: Liên Đội gồm 20 Chi Đội với 807 Đội viên. Tổng phụ trách Đội: Đới Thị Tuyết Mai.

Có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng:

- Tổ Chuyên môn Khoa học xã hội

- Tổ Chuyên môn Khoa học tự nhiên

b. Chức năng, nhiệm vụ:

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Tổng số biên chế và lao động hợp đồng được UBND xã Đồng Thịnh giao năm 2026: 51 người, trong đó: CBQL: 3, giáo viên: 36, nhân viên: 8, hợp đồng lao động: 4

2. Số biên chế và lao động thực tế đang công tác tại trường năm học 2025 – 2026

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo		
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn
Hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0
Phó hiệu trưởng	2	1	0	0	2	0
Giáo viên	38	26	1	4	33	1
Nhân viên	3	3	0	0	3	0
Hợp đồng	1	1	0	0	1	0
Tổng	45	31	1	4	40	1

3. Công khai thông tin về đội ngũ

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	Đ H	C Đ	T C	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	CD
	Tổng số	45	0	1	36	6	2	0	21	17	0	28	13	0	0
I	Giáo viên Trong đó :	38	0	1	33	4	0	0	21	17	0	25	13	0	0
1	Toán	6	0	1	5	0	0	0	1	5	0	5	1	0	0
2	Lý	2	0	0	2	0	0	0	1	1	0	2	0	0	0
3	Hóa	2	0	0	2	0	0	0	2	0	0	2	0	0	0
4	Sinh	4	0	0	3	1	0	0	3	1	0	2	2	0	0
5	Ngữ văn	11	0	0	10	1	0	0	5	6	0	6	5	0	0
6	Sử	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
7	Ngoại ngữ	3	0	0	3	0	0	0	0	3	0	3	0	0	0
8	Tin học	2	0	0	2	0	0	0	2	0	0	2	0	0	0
9	Âm nhạc	2	0	0	1	1	0	0	2	0	0	0	2	0	0
10	Thể dục	3	0	0	3	0	0	0	3	0	0	0	3	0	0
11	Mỹ thuật	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0
12	Công nghệ	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	1	0	0	0
II	Cán bộ quản lý	3	0	0	3	0	0	0	1	2	0	3	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0
III	Nhân viên	4	0	0	0	2	2	0							
1	Nhân viên Kế toán	1	0	0	0	1	0	0							
2	Nhân viên Y tế	2	0	0	0	0	2	0							
3	Nhân viên phục vụ HĐ	1	0	0	0	1	0	0							

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	20	-

II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	20	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	14	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1 lớp/ phòng	-
8	Bình quân học sinh/lớp	41hs/lớp	-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	9612	11.68 m²/hs
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	6000	14 m²/hs
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	56	1.36 m ² /hs
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	47	1.15 m ² /hs
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	48	1.17 m ² /hs
3	Diện tích thư viện (m ²)	48	1.17 m ² /hs
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	361	8.8 m ² /hs
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	62	1.51 m ² /hs
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học hiện có theo quy định	8	8/20
1.1	Khối lớp 6 (bộ không đầy đủ)	2	2/5
1.2	Khối lớp 7 (bộ không đầy đủ)	2	2/5
1.3	Khối lớp 8 (bộ không đầy đủ)	2	2/5
1.4	Khối lớp 9 (bộ không đầy đủ)	2	2/5
2	Tổng số thiết bị dạy học còn thiếu so với quy định	20	20/20
2.1	Khối lớp 6 (bộ đầy đủ)	5	5/5

2.2	Khối lớp 7 (bộ đầy đủ)	5	5/5
2.3	Khối lớp 8 (bộ đầy đủ)	5	5/5
2.4	Khối lớp 9 (bộ đầy đủ)	5	5/5
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	414m ²	1.1 m ² /hs
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	44	2 hs/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	20	20/20
2	Cát xét	0	0
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	1/10
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	3/20
5	Thiết bị khác (Máy ảnh, máy quay, máy quét, máy photo, bảng tính thông minh, bảng Led,...)	2	2/20
6	Máy in	8	8/20

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Điểm Trường Nghĩa Minh đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 tháng 8/2023 theo QĐ số 1568/QĐ-UBND ngày 15/08/2023, trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 theo QĐ số 1027/QĐ-SGDĐT ngày 10/0/2023. Điểm trường chính Hoàng Nam đang xây dựng hồ sơ công nhận trường đạt Chuẩn QG mức độ 2 và đạt Kiểm định chất lượng cấp độ 3 vào tháng 10/2026.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THCS Hoàng Nam năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh rèn luyện	807	199	199	211	198
1	Tốt (Tỷ lệ so với tổng số)	744 (92.19%)	182 (91.46%)	175 (87.94%)	194 (91.94%)	193 (97.47%)
2	Khá (Tỷ lệ so với tổng số)	62 (7.68%)	17 (8.54%)	24 (12.06%)	17 (8.06%)	4 (2.02%)
3	Đạt (Tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

4	Chưa đạt (Tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.12%)	0	0	0	1 (0.51%)
5	Không đánh giá	0	0	0	0	0
II	Số học sinh học tập	807	199	199	211	198
1	Tốt (Tỷ lệ so với tổng số)	175 (21.69%)	41 (20.6%)	41 (20.6%)	45 (21.33%)	48 (24.24%)
2	Khá (Tỷ lệ so với tổng số)	326 (40.4%)	90 (45.23%)	70 (35.18%)	86 (40.76%)	80 (40.4%)
3	Đạt (Tỷ lệ so với tổng số)	301 (37.3)	68 (34.17%)	88 (44.22%)	76 (36.02%)	69 (34.85)
4	Chưa đạt (Tỷ lệ so với tổng số)	5 (0.62%)	0	0	4 (1.9%)	1 (0.51%)
5	Kém (Tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Không đánh giá	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	807	199	199	211	198
1	Lên lớp (Tỷ lệ so với tổng số)	802 99.38%	199 100%	199 100%	207 98.1%	197 99.49%
2	Thi lại (Tỷ lệ so với tổng số)	4 0.5	0	0	4 (1.9%)	0
3	Lưu ban (Tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.12%)	0	0	0	1 (0.51%)
4	Chuyển trường đến/đi (Tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Bị đuổi học (Tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (Tỷ lệ so với tổng số)	2	0	0	1	1
IV	Số HS đạt giải các kỳ thi HSG	22	1	3	9	9
1	Cấp xã	11	1	2	4	4
2	Cấp tỉnh/thành phố	11	0	1	5	5
3	Quốc gia, khu vực, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh khối 9	198				198
VI	Số học sinh được công nhận Hoàn thành chương trình THCS	197				197
1	Tốt (Tỷ lệ so với tổng số)	48 (24.37%)				48 (24.37%)
2	Khá	80				80

	(Tỷ lệ so với tổng số)	(40.61%)				(40.61%)
3	Đạt (Tỷ lệ so với tổng số)	69 (35.02)				69 (35.02)
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	807/374	199/90	199/98	211/87	198/99
VIII	Số học sinh dân tộc thiểu số	5	1	1	3	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH (BÁO CÁO CHI TIẾT CHI THEO MỤC LỤC NGÂN SÁCH)

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 (Điểm Nghĩa Minh)

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI 070 KHOẢN 073
A	B	C	1	2
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC			
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC THUỘC NGÂN SÁCH CẤP 4			
1	Dự toán được giao trong năm (108=109+110)	108	4.711.107.000	4.711.107.000
	- Kinh phí được giao tự chủ	109	4.483.462.000	4.483.462.000
	- Kinh phí không được giao tự chủ	110	227.645.000	227.645.000
2	Tổng số được sử dụng trong năm (111=112+113)	111	4.711.107.000	4.711.107.000
	- Kinh phí được giao tự chủ (112=102+109)	112	4.483.462.000	4.483.462.000
	- Kinh phí không được giao tự chủ (113=105+110)	113	227.645.000	227.645.000
3	Kinh phí thực nhận trong năm (114=115+116)	114	4.711.107.000	4.711.107.000
	- Kinh phí được giao tự chủ	115	4.483.462.000	4.483.462.000
	- Kinh phí không được giao tự chủ	116	227.645.000	227.645.000
4	Kinh phí đề nghị quyết toán (117=118+119)	117	4.711.107.000	4.711.107.000
	- Kinh phí được giao tự chủ	118	4.483.462.000	4.483.462.000
	- Kinh phí không được giao tự chủ	119	227.645.000	227.645.000
B	NGUỒN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ			
1	Số thu được trong năm (203=204+205)	203	461.006.491	461.006.491
	- Kinh phí được giao tự chủ	204	306.064.000	306.064.000
	- Kinh phí không được giao tự chủ	205	154.942.491	154.942.491
2	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (206=207+208)	206	461.006.491	461.006.491
	- Kinh phí được giao tự chủ (207=198+204)	207	306.064.000	306.064.000
	- Kinh phí không được giao tự chủ (208=199+205)	208	154.942.491	154.942.491
3	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (209=210+211)	209	338.750.491	338.750.491
	- Kinh phí được giao tự chủ	210	183.808.000	183.808.000
	- Kinh phí không được giao tự chủ	211	154.942.491	154.942.491
4	Kinh phí giảm trong năm (212=213+214)	212		

	- Kinh phí được giao tự chủ	213		
	- Kinh phí không được giao tự chủ	214		
5	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (215=216+217)	215	122.256.000	122.256.000
	- Kinh phí được giao tự chủ (216=207-210-213)	216	122.256.000	122.256.000
	- Kinh phí không được giao tự chủ (217=208-211-214)	217		

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 (Điểm Hoàng Nam)

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI 070 KHOẢN 073
A	B	C	1	2
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC			
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC THUỘC NGÂN SÁCH CẤP 4			
1	Dự toán được giao trong năm (108=109+110)	108	6.623.002.000	6.623.002.000
	- Kinh phí được giao tự chủ	109	6.320.412.000	6.320.412.000
	- Kinh phí không được giao tự chủ	110	302.590.000	302.590.000
2	Tổng số được sử dụng trong năm (111=112+113)	111	6.623.002.000	6.623.002.000
	- Kinh phí được giao tự chủ (112=102+109)	112	6.320.412.000	6.320.412.000
	- Kinh phí không được giao tự chủ (113=105+110)	113	302.590.000	302.590.000
3	Kinh phí thực nhận trong năm (114=115+16)	114	6.623.002.000	6.623.002.000
	- Kinh phí được giao tự chủ	115	6.320.412.000	6.320.412.000
	- Kinh phí không được giao tự chủ	116	302.590.000	302.590.000
4	Kinh phí đề nghị quyết toán (117=118+119)	117	6.623.002.000	6.623.002.000
	- Kinh phí được giao tự chủ	118	6.320.412.000	6.320.412.000
	- Kinh phí không được giao tự chủ	119	302.590.000	302.590.000
B	NGUỒN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ			
1	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (197=198+199)	197	9.575.800	9.575.800
	- Kinh phí được giao tự chủ	198	9.575.800	9.575.800
	- Kinh phí không được giao tự chủ	199		
2	Dự toán được giao trong năm (200=201+202)	200		
	- Kinh phí được giao tự chủ	201		
	- Kinh phí không được giao tự chủ	202		
3	Số thu được trong năm (203=204+205)	203	702.060.819	702.060.819
	- Kinh phí được giao tự chủ	204	496.475.000	496.475.000
	- Kinh phí không được giao tự chủ	205	205.585.819	205.585.819
4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (206=207+208)	206	711.636.619	711.636.619
	- Kinh phí được giao tự chủ (207=198+204)	207	506.050.800	506.050.800
	- Kinh phí không được giao tự chủ (208=199+205)	208	205.585.819	205.585.819

5	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (209=210+211)	209	497.089.519	497.089.519
	- Kinh phí được giao tự chủ	210	291.503.700	291.503.700
	- Kinh phí không được giao tự chủ	211	205.585.819	205.585.819
6	Kinh phí giảm trong năm (212=213+214)	212		
	- Kinh phí được giao tự chủ	213		
	- Kinh phí không được giao tự chủ	214		
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (215=216+217)	215	214.547.100	214.547.100
	- Kinh phí được giao tự chủ (216=207-210-213)	216	214.547.100	214.547.100
	- Kinh phí không được giao tự chủ (217=208-211-214)	217		

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Kết quả thực hiện các Nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước:

Nhà trường đã triển khai đầy đủ các nghị quyết, chỉ thị của tổ chức Đảng cấp trên, chính sách pháp luật của nhà nước trong các cuộc họp tháng. Chấp hành tốt điều lệ đảng, thường xuyên quán triệt, chỉ đạo và tuyên truyền CB, GV, NV trong trường thực hiện nghiêm túc chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Nhà trường thường xuyên chú trọng xây dựng tập thể đoàn kết nội bộ trong trong cơ quan đơn vị. Tổ chức và thực hiện nghiêm túc có hiệu quả việc đẩy mạnh “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Nhà trường đã chỉ đạo thực hiện tốt việc phòng chống dịch bệnh theo các văn bản chỉ đạo của các cấp, các ngành. Nhà trường tổ chức và triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo của ngành về nhiệm vụ năm học, các nội dung về chuyên môn và các hoạt động khác ngoài chuyên môn. Tổ chức cho HS học tập các nội quy, quy tắc ứng xử, quy chế nhà trường, tiếp cận với các kỹ năng mềm, quyền lợi và trách nhiệm của HS khi đến trường.

2. Kết quả các cuộc thi

- Kỳ thi chọn học sinh giỏi Văn hóa khối 9 cấp tỉnh năm học 2025-2026: trường có 3 học sinh đạt giải trong đó có 01 giải nhì, 01 giải ba, 01 giải khuyến khích. Toàn trường xếp thứ 151/365 trường trong toàn tỉnh.

- Cuộc thi học sinh giỏi giải Toán bằng Tiếng Anh cấp tỉnh do trường phụ trách bồi dưỡng, có 03 học sinh dự thi, cả 03 học sinh đều đạt giải khuyến khích.

- Cuộc thi học sinh giỏi TDTT cấp tỉnh toàn đoàn đạt giải nhì cấp tỉnh trong đó học sinh trường THCS Hoàng Nam đạt 05 giải khuyến khích.

3. Kết quả thực hiện quy chế dân chủ trong năm học

- Nhà trường đã xây dựng quy chế dân chủ, có quy định và các hình thức để CB, GV, NV được bàn bạc, tham gia ý kiến vào các chủ trương và nhiệm vụ công tác của

trường tại HN Nhà giáo, CBQLGD, người lao động đầu năm học; hàng tháng họp HĐ SP triển khai, bàn bạc kế hoạch, nhiệm vụ; hàng tuần tổ chức hội nghị giao ban, đoàn thể tham gia đóng góp ý kiến cho các hoạt động của nhà trường.

- CB, GV, NV được thông tin về các chủ trương của nhà trường, những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ và quyền lợi của mình như công tác quy hoạch, tuyển dụng, cán bộ, phân công nhiệm vụ, ...

- Về công tác chuyên môn: Đã triển khai đầy đủ các văn bản, kế hoạch, việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học, ... Đặc biệt là chương trình GDPT 2018.

- Về kinh phí ngân sách tự chủ: Đảm bảo chi đủ lương, các chế độ khen thưởng, công tác phí, nghỉ thai sản, làm thêm giờ, ... được chi trả theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ.

- Trường tổ chức tốt việc tiếp dân và CMHS, giải quyết các kiến nghị của CB, GV, NV, nhân dân và CMHS.

- Đa số CB, GV, NV trong trường đã tích cực tham gia đóng góp ý kiến cho các hoạt động của trường. Kiên quyết đấu tranh chống những hiện tượng gây bè phái, mất đoàn kết và những hiện tượng vi phạm dân chủ, kỷ cương trong trường. Đồng thời thực hiện đúng những quy định của Pháp lệnh CBCC, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm; giữ gìn phẩm chất; uy tín, danh dự nhà giáo; tôn trọng đồng nghiệp, PH và HS, bảo vệ uy tín và thương hiệu của nhà trường.

VIII. Hình thức và thời điểm công khai:

1. Hình thức:

- Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết, thông báo, đưa lên cổng thông tin của trường. Nhờ vậy phụ huynh và cán bộ, viên chức và học sinh của trường đều nắm rõ các nội dung thông báo để lựa chọn hình thức học tập phù hợp. Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt, tạo thương hiệu của trường về chất lượng.

2. Thời điểm công khai: Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ tháng 6/2026. Riêng dự toán thu chi tài chính 2026 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách 2026 của UBND xã Đồng Thịnh.

- Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (tháng 9 năm 2026) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 15 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

- Đối với học sinh tuyển mới: Nhà trường thực hiện tiếp nhận 100% học sinh trên địa bàn đã tốt nghiệp cấp Tiểu học vào học tập tại trường.

- Đối với học sinh đang học tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết. Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước.

Nơi nhận:

- UBND xã;
- Phòng VH-XH xã;
- HĐSP nhà trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Hữu Biên